

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2017/HS-PT

Ngày: 29/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Tự

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Bá Sơn

Ông Lê Phước Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Xuân Ân, Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 239/TLPT-HS ngày 01 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo: Huyền Tôn Nữ Túy V, về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, do có kháng cáo của người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HS-ST ngày 21/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

**** Bị cáo bị kháng cáo:***

Huyền Tôn Nữ Túy V; giới tính: Nữ; sinh ngày: 28/07/1970, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký HKTT: Đường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở: Đường S, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Bửu B, sinh năm 1933 (đã mất); con bà: Bùi Thị X, sinh năm 1934 (đã mất); anh, chị em ruột có 8 người, bị cáo là con út trong gia đình; chồng: Trương Đình D, sinh năm: 1965; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2000, tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/5/2016. (có mặt)

**Người bị hại kháng cáo:*

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972. Trú tại: Đường T, thành phố H.(có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trương Đình D, sinh năm 1965.(có mặt)

Địa chỉ: Đường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” của Huyền Tôn Nữ Túy V:

Huyền Tôn Nữ Túy V có cửa hàng kinh doanh hàng lưu niệm tại 54 đường C, thành phố H. Do cần tiền để kinh doanh hàng lưu niệm, từ năm 2012 V có thoả thuận vay tiền của chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1972; trú tại 01/4/16 đường T, thành phố H). Việc vay trả diễn ra liên tục từ năm 2012 đến năm 2015. Trong khoảng thời gian từ ngày 18/6/2015 đến ngày 26/8/2015, V viết giấy vay tiền của chị H 16 lần với tổng số tiền đã nhận là 4.880.000.000 đồng nhưng chưa trả lại tiền cho chị H. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 18/6/2015 (tức ngày 03/5/2015 âm lịch) V vay và nhận từ chị H số tiền là 310.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 24/6/2015 (09/5/2015 âm lịch) vay 295.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 29/6/2015 (14/5/2015 âm lịch) vay 315.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 03/7/2015 (18/5/2015 âm lịch) vay 330.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 08/7/2015 (23/5/2015 âm lịch) vay 320.000.000 đồng.

Lần 6: Ngày 12/7/2015 (27/5/2015 âm lịch) vay 330.000.000 đồng.

Lần 7: Ngày 19/7/2015 (04/6/2015 âm lịch) vay 320.000.000 đồng.

Lần 8: Ngày 21/7/2015 (06/6/2015 âm lịch) vay 320.000.000 đồng.

Lần 9: Ngày 25/7/2015 (10/6/2015 âm lịch) vay 320.000.000 đồng.

Lần 10: Ngày 29/7/2015 (14/6/2015 âm lịch) vay 290.000.000 đồng.

Lần 11: Ngày 05/8/2015 (21/6/2015 âm lịch) vay 300.000.000 đồng.

Lần 12: Ngày 09/8/2015 (25/6/2015 âm lịch) vay 260.000.000 đồng.

Lần 13: Ngày 13/8/2015 (29/6/2015 âm lịch) vay 300.000.000 đồng.

Lần 14: Ngày 17/8/2015 (04/7/2015 âm lịch) vay 280.000.000 đồng.

Lần 15: Ngày 22/8/2015 (09/7/2015 âm lịch) vay 290.000.000 đồng.

Lần 16: Ngày 26/8/2015 (13/7/2015 âm lịch) vay 300.000.000 đồng.

Do việc vay mượn diễn ra đã nhiều lần trước đây, nên khi vay số tiền 4.880.000.000 đồng, V và chị H không trao đổi về mục đích vay tiền. Khi cần vay tiền thì V điện thoại nói với chị H số tiền cần vay, khi có đủ tiền H điện thoại gọi V đến tại nhà (số 01/4/16 đường T, thành phố H) hoặc quán cà phê của mình (số 23 đường N, thành phố H) để nhận. Mỗi lần vay và nhận tiền V đều tự viết nội dung vay tiền vào sổ nợ do chị H lưu giữ. Khi đến hạn trả tiền, do không có tiền để trả gốc và lãi nên ngày 26/9/2015, Huyền Tôn Nữ Túy V bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh nhằm chiếm đoạt số tiền 4.880.000.000 đồng đã vay của chị H. Sau đó, thì bị bắt theo Lệnh truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Huyền Tôn Nữ Túy V:

- Chị Lê Thị Phương G (sinh năm 1970; trú tại 49 đường U, thành phố Huế) và Huyền Tôn Nữ Túy V là bạn học chung cấp 3 với nhau. Vào ngày 31/7/2015, cả hai cùng đi dự đám cưới, sau đó V mời chị G về nhà chơi, giới thiệu việc kinh doanh. Tại thời điểm này V nợ chị H một khoản tiền lớn, không có khả năng chi trả. Để có tiền trả nợ chị H, V nói với chị G là "có đơn đặt hàng của khách du lịch nên cần vốn để đặt hàng", "mùa ni đang là mùa khách đoàn, từ đây đến 2/9 có nhiều hợp đồng quà tặng cho khách đoàn cứ 03 ngày 01 chuyến" và đề nghị chị G cho V vay 50.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh. Tin tưởng vào lời nói của V nên chị G đồng ý, sáng ngày 05/8/2015 G cho V vay 20.000.000 đồng, lấy lý do số tiền này không đủ để kinh doanh nên V đề nghị G cho vay tiếp nên chiều cùng ngày cả 02 cùng đến tiệm vàng Bòn Bến E (đường P, thành phố H). Tại đây G bán 01 cây vàng SJC được 32.750.000 đồng và giao số tiền này cho V (tuy giao tiền, nhưng cả 02 thống nhất là V vay của chị G 01 cây vàng SJC, sau này phải trả lại bằng vàng). Ngay khi lấy được số tiền trên V đã dùng để trả cho chị H. Cũng với thủ đoạn như trên, ngày 08/8/2015, V tiếp tục nhắn tin cho G nội dung: "chiều ni tau cần 25 triệu đồng đóng hàng gấp, 5 ngày trả lại sẽ chia lời cho mi...", ngày 13/8/2015 V nhắn "Ui chao ời G gắng chiều ni giúp V, hàng ni không chậm được bởi rứa sau 03 đến 05 ngày là có tiền lại rồi...", nghĩ V cần tiền gấp để kinh doanh nên G đã mượn của ông Lê Bá I (bố của G) 20.000.000 đồng và chiều cùng ngày 13/8/2015 cho V vay. Sau khi chiếm đoạt số tiền trên V đã dùng để trả nợ cho H. Để chị G tin ngày 18/8/2015 V đã dùng số tiền lấy được của chị Nguyễn Thị O đem đến trả cho Tùng là 20.000.000 đồng tiền gốc và 500.000 đồng tiền lãi, ngay khi đưa tiền trả cho chị G thì V nói "nếu ông chưa cần tiền thì cho tau vay, vì tau đang cần vốn", nghe vậy G tin nên đồng ý cho V vay số tiền 20.000.000 đồng trên. Sau khi chiếm đoạt được tiền của chị G, V đem trả nợ cho chị H chứ không dùng vào việc kinh doanh hàng lưu niệm

như đã nói với chị G.

Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Thừa Thiên Huế xác định giá trị 01 cây vàng SJC tại thời điểm ngày 05/8/2015 là 32.930.000 đồng. Như vậy tổng cộng số tiền V chiếm đoạt của chị G là 72.930.000 đồng.

- Do cần tiền để trả nợ cho H, ngày 15/8/2015 Vân đến gặp chị Nguyễn Thị O (sinh năm 1969, trú tại 60/4 đường Phạm Thị L, thành phố H) nói: "V cần tiền để kinh doanh hàng lưu niệm, O có thì cho V vay", "V kinh doanh hàng lưu niệm và đóng hàng cho khách khoảng 05 ngày đến 10 ngày có một chuyến", đồng thời đề nghị O cho vay 50.000.000 đồng. Tin tưởng vào lời nói và việc kinh doanh của **V nên chị O đồng ý cho vay**

20.000.000 đồng. Tiếp tục dùng thủ đoạn cần tiền đóng hàng gấp, ngày 16/8/2015 V đề nghị vay tiếp nên chị O tiếp tục cho vay thêm 30.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền V chiếm đoạt được của chị O là 50.000.000 đồng, V dùng trả cho chị H và chị G, chứ không dùng vào việc kinh doanh hàng lưu niệm như đã nói với chị G.

Tại các Kết luận giám định chữ ký, chữ viết của bị cáo trên các Giấy vay tiền mà bị cáo đã viết và giao cho các bị hại: Nguyễn Thị H; Lê Thị Phương G và Nguyễn Thị O, đều do Huyền Tôn Nữ Túy V viết ra.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số 18/2017/HSST ngày 21/06/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:**

- Tuyên bố: Bị cáo Huyền Tôn Nữ Túy V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm a, Khoản 4, Điều 140; Điểm e, Khoản 2, Điều 139; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2, Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13, Điều 14, Khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí án;

Xử phạt: Bị cáo Huyền Tôn Nữ Túy V 13 (mười ba) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 3 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Huyền Tôn Nữ Túy V phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giam 04/5/2016.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyết định về phần án phí; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/7/2017, người bị hại Nguyễn Thị H kháng cáo đề nghị buộc ông Trương Đình D liên đới chịu trách nhiệm dân sự và tăng hình phạt đối với bị cáo Huyền Tôn Nữ Túy V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 13 năm tù đối với hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là phù hợp. Về trách nhiệm dân sự, ông Trương Đình D không biết việc vay mượn tiền của vợ nên không có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Nguyễn Thị H.

Người bị hại Nguyễn Thị H phát biểu: Việc vay tiền của bị cáo diễn ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bị cáo với ông Trương Đình D, đề nghị áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, buộc ông Trương Đình D liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Về hình phạt, đối với hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, bị hại chưa được bồi thường nên không thể được hưởng tình tiết giảm nhẹ là đã khắc phục hậu quả. Vì vậy, đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Huyền Tôn Nữ Túy V phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Do có mối quan hệ vay mượn tiền với nhau từ năm 2012, trong khoảng thời gian từ ngày 18/6/2015 đến ngày 26/8/2015, Huyền Tôn Nữ Túy V viết giấy vay tiền của chị Nguyễn Thị H 16 lần với tổng số tiền đã nhận là 4.880.000.000 đồng. Khi vay tiền V và chị H không trao đổi về mục đích vay tiền, mỗi lần vay và nhận tiền V đều tự viết nội dung vay tiền vào sổ nợ do chị H lưu giữ. Khi đến hạn trả tiền, do không có khả năng trả nợ nên Huyền Tôn Nữ Túy V bỏ trốn vào thành phố Hồ Chí Minh và chiếm đoạt số tiền 4.880.000.000 đồng đã vay của chị H.

[2] Ngoài ra, V còn dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không đúng sự thật là cần tiền để kinh doanh hàng lưu niệm nhưng thực chất là để trả nợ cho các khoản vay trước đó nhằm chiếm đoạt của chị Lê Thị Phương G số tiền 72.930.000 đồng và chị Nguyễn Thị O số tiền 50.000.000 đồng. Tổng cộng 122.930.000 đồng.

[3] Do có hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo Huyền Tôn Nữ Túy V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 140 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 139 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của người bị hại Nguyễn Thị H: Về trách nhiệm dân sự của ông Trương Đình D, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: bị cáo V sử dụng số tiền vay nhiều lần của chị H với tổng số tiền là 4.880.000.000đ, một phần dùng để mua hàng lưu niệm, một phần dùng để trả gốc, lãi các khoản nợ trước. Như vậy, không phải tất cả số tiền chiếm đoạt bị cáo dùng vào mục đích kinh doanh. Mặt khác, ông Trương Đình D không biết việc vay mượn tiền của vợ. Do đó, không có cơ sở để buộc ông Trương Đình D phải liên đới chịu trách nhiệm trả

số nợ 3.600.000.000đ theo yêu cầu của người bị hại Nguyễn Thị H. Đối với ngôi nhà tại 11 đường S, thành phố Huế, theo trình bày của bà H, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thể hiện căn nhà trên đã được vợ chồng ông D tặng cho em là ông Trương Đình M. Nếu có căn cứ xác định việc tặng cho này là hành vi tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ, bà H có thể khởi kiện một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về yêu cầu tăng hình phạt: Đối với hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, mặc dù bị cáo chưa khắc phục, bồi thường nhưng bị cáo vẫn được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo mức hình phạt 13 năm tù là cao hơn mức khởi điểm của khung hình phạt, tương xứng với hành vi phạm tội, nên HĐXX thấy không cần thiết phải tăng hình phạt đối với bị cáo.

[6] Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại Nguyễn Thị H.

[7] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại Nguyễn Thị H;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Huyền Tôn Nữ Túy V phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm a, Khoản 4, Điều 140; Điểm e, Khoản 2, Điều 139; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2, Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Huyền Tôn Nữ Túy V 13 (mười ba) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 3 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Huyền Tôn Nữ Túy V phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giam 04/5/2016.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ và án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế ;
- Bị cáo (gởi qua trại giam);
- Lưu hồ sơ, VT, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Tự